TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 26/2019/HNGĐ-ST
Ngày 26-09-2019
"V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đán Văn Đ**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Trần Thị L**

2.Ông **Phùng Ngọc T**

- *Thư ký phiên tòa*: Bà **Hoàng Thị Đ** - Thẩm tra viên,Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Hà Giang.

- *Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân huyện A, tỉnh Hà Giang*: Bà **Vương Thị C** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2019, Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Hà Giang. Xét xử sơ thẩm công khai, vụ án thụ lý số: 110/2019/TLST-HNGĐ, ngày 19 tháng 6 năm 2019, "về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1605/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 05 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nông Thị L**, sinh năm: 1996; Địa chỉ: Thôn C, xã D, huyện A, tỉnh Hà Giang; Dân tộc: Tày, nghề nghiệp: làm ruộng.(Có mặt)

2. Bị đơn: Anh **Trần Văn Q**, sinh năm: 1991; Địa chỉ: thôn C, xã B, huyện A, tỉnh Hà Giang; Dân tộc: Kinh; nghề nghiệp: Lao động tự do.(Có mặt.)

NỘI DUNG:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai đề ngày 13 tháng 6 năm 2019 chị **Nông Thị L** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn Q có đăng ký kết hôn vào ngày 11 tháng 01 năm 2018 tại UBND xã D, huyện A, tỉnh Hà Giang, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống được một tháng sau đã pC sinh mâu thuẫn, nguyên nhân ly do Bố mẹ chị không có con trai nên đã thỏa thuận

anh về ở rể, sau này cùng chị có trách Nệm chăm sóc bố mẹ về già, do không muốn ở rể anh Q tìm cớ gây sự và coi thường gia đình chị, vợ chồng xảy ra cãi vã nhau thường xuyên, mỗi người một quan điểm, tính cách riêng, cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, mâu thuẫn xảy ra mặc dù chưa có đề nghị cấp có thẩm quyền hòa giải lần nào, nhưng hiện nay vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2019 đến nay, không ai quan tâm đến nahu mỗi người tự lo cuộc sống riêng cho mình, tình cảm cảm vợ chồng không còn yêu thương, quý trọng nhau nữa, mâu thuẫn trầm trọng và kéo dài, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Trần văn Q.

Về con chung: Tại thời điểm thụ lý và giải quyết vợ chồng chưa có con chung, nhưng đến thời điểm chuẩn bị xét xử chị L đã sinh con là Nông Diệu Hiền N, (sinh ngày 25-7-2019), ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu N đến 18 tuổi, không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ, tài sản riêng: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay về quan hệ hôn nhân, về nuôi con chung chị L giữ nguyên yêu cầu ly hôn theo đơn khởi kiện và bản tự khai.

Về cấp dưỡng nuôi con chị Lê yêu cầu anh Q phải có trách Nêm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 04 triệu đồng.

Tại bản tự khai ngày 11 tháng 7 năm 2019, anh **Trần Văn Q** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Theo như lời trình bày của chị Nông Thị L trình bày anh hoàn toàn nhất trí về thời gian kết hôn, thời gian chung sống, nhưng về mâu thuẫn vợ chồng là do chị L đi làm thuê xa nhà một thời gian nên bất đồng quan điểm, có xảy ra cãi chửi nhau, nhưng theo anh mâu thuẫn chưa trầm trọng và có nguyện vọng trở về đoàn tụ gia đình, nếu chị L cương quyết xin ly hôn anh cũng nhất trí để giải thoát cho nhau, khỏi sự ràng buộc về quan hệ hôn nhân và các vấn đề khác có liên quan.

Về con chung: Tại thời điểm thụ lý và giải quyết vợ chồng chưa có con chung, nhưng đến ngày 25-7-2019 L đã sinh con đặt tên là Nông Diệu Hiền N, khi ly hôn anh sẽ có trách Nệm cùng chị L nuôi dưỡng, chăm sóc con đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Về tài sản, công nợ, tài sản riêng: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Q không nhất trí ly hôn với chị Nông Thị L nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn, về con chung nhất trí giao con cho chị L được nuôi dưỡng, anh Q tự nguyện cấp dưỡng cho chị L nuôi con mỗi tháng là 1.000.000đ

cho đến khi con đủ 18 tuổi, anh Q được quyền thăm nom con.

Sau khi nghe các bên đương sự trình bày tại phiên tòa, ý kiến pC biểu của Kiểm sát viên về cách giải quyết vụ án:

*** Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử:**

Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật, thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định tư cách pháp lý, mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thông báo thụ lý vụ án, việc thu thập tài liệu, chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử, thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 28, 35,69, 196 và Điều 198 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quyết định đưa vụ án ra xét xử và việc chuyển hồ sơ vụ án cho Viện Kiểm sát nhân dân huyện để nghiên cứ, Thẩm phán thực hiện đúng quy định tại Điều 220 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thành phần tham gia xét xử ngày hôm nay đúng với thành phần Hội đồng xét xử được ghi trong Quyết định đưa vụ án ra xét xử, đúng với quy định tại Điều 63 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại Điều 239 của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm như về nguyên tắc xét xử và Thư ký phiên tòa.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn, bị đơn tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, theo quy định của pháp luật.

*** Quan điểm về việc giải quyết vụ án:**

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Xử cho chị Nông Thị L được ly hôn anh Trần Văn Q.

- Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử: căn cứ vào Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Giao cháu Nông Diệu Hiền N (sinh ngày 25-7-2019) cho chị Nông Thị L là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con không chấp nhận yêu cầu bổ sung cấp dưỡng nuôi con của chị Lê do vượt quá yêu cầu khởi kiện. Chấp nhận sự thỏa thuận tự nguyên anh Q về cấp dưỡng nuôi con và có quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản, công nợ chung: Các đương sự xác định không có nên không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí: Buộc chị Nông Thị L và anh Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm

ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, các đương sự có quyền kháng án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]**Về tố tụng:** Chị Nông Thị L có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Hà Giang giải quyết việc ly hôn, tranh chấp nuôi con với anh Trần Văn Q. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Hà Giang. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thụ lý vụ án vào ngày 19-6-2019 và tiến hành các bước theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, thu thập tài liệu, chứng cứ, xác định các quyền và nghĩa vụ của các bên đương sự, tiến hành phiên họp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Đến ngày 05-9-2019 Tòa án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Nhận định của Tòa án về các yêu cầu của các đương sự:

[2]**Về quan hệ hôn nhân**: Chị Nông Thị L và anh Trần Văn Q xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 11-01-2018, tại UBND xã D, huyện A, tỉnh Hà Giang. Xác định đây là hôn nhân hợp pháp đúng quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì pC sinh mâu thuẫn, nguyên nhân lý do là gia đình chị không có con trai nên bố mẹ hai bên nhất trí để anh Q về ở rể, anh Q cũng đồng ý, để chăm sóc bố mẹ về già nhưng thời gian sau, anh Q không muốn sống phụ thuộc gia đình bên vợ và yêu cầu chị L về B quê anh sinh sống nhưng chị L không nhất trí, từ đó vợ chồng luôn gây ra sự mâu thuẫn cãi chửi nhau, không quan tâm đến chị L trong khi chị đang mang thai, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2019, mỗi người sống một nơi. Tại buổi hòa giải ngày 23 -7-2019, các bên đương sự đã thỏa thuận việc ly hôn theo quy định của pháp luật. Nhưng trong thời hạn luật định, ngày 26-7-2019 anh Q có đơn đề nghị rút yêu cầu không nhất trí ly hôn với chị L với hy vọng sau khi chị L sinh con vợ chồng sẻ trở lại đoàn tụ để cùng nhau nuôi dậy con cái. Tuy Nên tình cảm vợ chồng không được cải thiện chị L không thể chấp nhận những điều kiện cũng như cách cư xử của anh Q và kiên quyết xin được ly hôn với anh Q.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay.Tòa án xét thấy mâu thuẫn vợ chồng xảy ra là thực tế căn cứ, trầm trọng, kéo dài, có cố gắng khắc phục cũng không có hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2019 đến nay, không còn quan tâm chăm sóc hỏi thăm đến nhau. Do vậy, cần xử cho chị Nông

Thị L và anh Trần Văn Q ly hôn theo quy định tại Điều 51 và 56 luật hôn nhân và gia đình.

Với yêu anh Q không mong muốn ly hôn chị L với mục đích mong muốn vợ chồng trở lại đoàn tụ để cùng nhau chăm lo, nuôi dưỡng con cái, anh Q sẽ khắc phục những thiếu sót và chăm lo cho vợ, con Nều hơn. Nhưng yêu cầu anh Q không được chị L chấp nhận, chị xác định tình cảm vợ chông không còn nữa, có khắc phục cũng không có hạnh phúc.

Tòa án xét thấy yêu cầu anh Q là không có thực tế, thiếu căn cứ vì trong thời gian chị L mang thai, sinh con anh Q phải quan tâm, chăm lo cho vợ, con tránh tác động mạnh đến tâm sinh lý, tư tưởng của người vợ đang mang thai, nhưng anh Q lại gây sự, pC sinh những mâu thuẫn, không mong muốn và vợ chồng sống ly thân từ tháng 4 năm 2019 đến nay, không còn quan tâm chăm sóc hỏi thăm đến nhau như vậy có cố gắng khắc phục cũng không có hạnh phúc. Nên yêu cầu anh Q không được Tòa án chấp nhân.

[3] **Về con chung**: Quá trình chung sống có 01 con chung: Nông Diệu Hiền N (sinh ngày 25-7-2019), Do cháu N mới sinh do đó cần giao cho chị L là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi, anh Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Tòa án nhận thấy việc nuôi con của chị L là hoàn toàn hợp lý, phù hợp quy định của pháp luật theo quy định tại khoản 3 Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết vụ án, chị L không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa chị L yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 04 triệu đồng. Tòa án xét thấy yêu cầu của chị L vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện nên không chấp nhận yêu cầu chị Lê. Tuy Nên tại phiên tòa anh Q tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cùng chị L mỗi tháng là 1000.000đ cho đến khi con đủ 18 tuổi. Xét thấy sự thỏa thuận của anh Q là tự nguyện không trái đạo đức xã hội nên cần ghi nhận sự thỏa thuận của anh Q và chị L, anh Q có trách Nệm cấp dưỡng nuôi con cho chị L và có quyền thăm con theo quy định của pháp luật.

[4] **Về tài sản chung, công nợ chung:** Các bên đương sự xác định là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tòa án không xem xét.

[5] **Về án phí:**

Chị Nông Thị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm ly hôn .

Anh Trần Văn Q phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng

nuôi con.

[**6] Quyền kháng cáo**: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 51 và 56 khoản 1, 3 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

+ Điều 29; khoản 2 Điều 34; Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

+Khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+Điểm a, b khoản 5; Điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và L phí Tòa án.

1.Quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nông Thị L được ly hôn anh Trần Văn Q.

2. Con chung:

- Giao cháu Nông Diệu Hiền N (sinh ngày 25-7-2019) cho chị Nông Thị L; Địa chỉ: Thôn C, xã D, huyện A, tỉnh Hà Giang. Được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục kể từ ngày 26 - 9-2019 cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

- Cấp dưỡng nuôi con: Anh Trần Văn Q có trách Nệm cấp dưỡng nuôi con cho chị Nông Thị L, nuôi cháu Nông Diệu Hiền N mỗi tháng 1000.000đ (Một triệu đồng) kể từ ngày 26-9-2019 cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Anh Trần Văn Q có quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với các khoản tiền phải thi hành cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền hàng tháng, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp có thỏa thuận khác....)

3. Án phí:

+ Chị Nông Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số: 02265 ngày 19-6-2019, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Hà Giang. Chị L đã nộp đủ.

+ Anh Trần Văn Q phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Quyền kháng cáo:

Báo cho các bên đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 26-9-2019.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án gốc được thông qua tại phòng xét xử cho các thành viên hội đồng xét xử nghe, nhất trí đúng nội dung đã thảo luận và ký tên.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM	**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
	Đán Văn Đ